

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST

Ngày: 21/9/2022.

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Tâm.

2. Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Huỳnh Văn G và Phạm Kim T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Huỳnh Văn G. Cùng địa chỉ: ấp T1, xã K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, theo Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2022 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Thái Thị H và Thạch N. Cùng địa chỉ: ấp T1, xã K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (đều vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Ông G và bà T bà là hui viên còn bà Thái Thị H và ông Thạch N là chủ hui, cụ thể như sau: Dây hui mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2014 AI, có 24 phần ông G và bà T tham gia 02 phần đóng hui sống được 17 lần số tiền đóng cho vợ chồng bà Thái Thị H và ông Thạch N là 68.000.000 đồng (có tính theo lãi hui) sau đó vợ chồng bà Thái Thị H và ông Thạch N không khai nữa, ông bà đồng ý trừ tiền đầu thảo 2.000.000 như vậy bà Thái Thị H và ông Thạch N còn nợ của ông bà 66.000.000 đồng.

Nay ông Huỳnh Văn G và bà Phạm Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Thái Thị H và ông Thạch N có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền nợ hụi là 66.000.000 đồng

* *Đối với bị đơn là Thái Thị H và Thạch N:* Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng các đương sự không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 66.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn là bà Thái Thị H và ông Thạch N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát có đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G và bà Phạm Kim T cùng các bị đơn là bà Thái Thị H và ông Thạch N có thỏa thuận tham gia chơi hụi với nhau dây hụi mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2014 âm, các nguyên đơn tham gia 02 phần (tên trong danh sách hụi là Đào), đã đóng hụi được 17 lần với số tiền đóng cho vợ chồng bà Thái Thị H và ông Thạch N là 68.000.000 đồng (có tính lãi hụi) sau đó vợ chồng bà Thái Thị H và ông Thạch N không khai nữa, ông bà đồng ý trừ tiền đầu thảo 2.000.000 đồng, còn lại 66.000.000 đồng, do phía bị đơn không duy trì dây hụi đến mãn và cũng không thực hiện việc trả tiền nợ hụi cho nguyên đơn, nên nguyên đơn kiện đòi bị đơn cùng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là

66.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là tờ “Danh sách hội viên dây hội 2.000.000 mở ngày 25/11/2014”.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ, xác minh những hội viên có tham gia chung dây hội với ông G và bà T như: bà Trần Thị N1 tên trong danh sách hội là “Thảo”, bà Trần Thị L, tên trong danh sách hội là “7 Nam”, bà Trần Thị T2 tên trong danh sách hội là “Đức”, bà Danh A tên trong danh sách hội là “Liên” và bà Danh Thị Ti V có tên trong danh sách hội là “Ti Vi” đều xác định họ là những người trực tiếp tham gia hội, tham gia các lần khai hội do bà H và ông N làm chủ, xác định vợ chồng ông G có tham gia chung dây hội với họ và hiện nay hội đã ngưng không khai nữa. Như vậy lời trình bày của ông G và bà T là phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: “.... *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...*” và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*”.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho các bị đơn, nhưng các bị đơn là bà H và ông N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bị đơn tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng các bị đơn không tham dự. Đồng thời, các bị đơn là bà H và ông N không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những yêu cầu trên của nguyên đơn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Từ những tình tiết nêu trên có căn cứ xác định việc vợ chồng bà H và ông N làm chủ hội, tổ chức việc chơi hội công khai tại địa phương nơi cư trú trong thời gian dài và có nhiều người dân biết, trong đó có tổ chức việc chơi dây hội mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2014 và có sự tham gia của vợ chồng ông G, nhưng bà H và ông N đã không duy trì được đến ngày hội mãn là sự việc có thật. Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định rằng, Hợp đồng góp hội giữa các đương sự được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng thì bà H, ông Danh và bà Bào đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp.

Do vợ chồng bà H và ông N đã có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận góp hội khi không duy trì được đến ngày hội mãn, số tiền góp hội của các hội viên chưa được tính toán để hoàn lại, chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà H và ông N đã trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi của ông G và bà T, nên bà H và ông N phải có nghĩa vụ cùng trả cho ông G và bà T số tiền hội còn nợ là 66.000.000 đồng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 27 Nghị

định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 và **Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S như đã phân tích trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn không cung cấp được các giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên các bị đơn cùng có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $66.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.300.000 \text{ đồng}$.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các **Điều 117, Điều 288 và Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ **Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hui, biên, phường.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G và bà Phạm Kim T. Buộc bị đơn là bà Thái Thị H và ông Thạch N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G và bà Phạm Kim T số tiền nợ hui là 66.000.000đ (*Bằng chữ: sáu mươi sáu triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là bà Thái Thị H và ông Thạch N cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu 3.300.000đ (*Bằng chữ: ba triệu, ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G và bà Phạm Kim T được nhận lại 1.650.000đ (*Bằng chữ: một triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án

phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003819, ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tâm Lê Thị Diễm Huyền Tô Thị Bích Duyên